

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

---***---

Bản án số: 87/2022/HSST

Ngày: 28/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN**

TH5nh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn T.**

* Các hội thẩm nhân dân: - Bà **Lê Thị O.**

- Bà **Nguyễn Thị L.**

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Bà **Lê Thị T1** - Kiểm sát viên.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị T2**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2022/HSST ngày 01/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022.

***/ Đối với các bị cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 2001; Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1978; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/6/2022.

2. Họ và tên: **Ngô Đình P**, sinh ngày 15/5/2005; Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Ngô Đình T3, sinh năm 1979; Con bà: Nguyễn Thị A1, sinh năm 1980; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/6/2022.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

***/ Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đình P:** Ông Đào Văn H1 - Luật sư trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

***/ Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005. (vắng mặt)
 2. ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1984.(có mặt)
- Đều trú tại: thôn T4, xã T5, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thuỷ D sinh năm 2006.(có mặt)
Trú tại: Thôn H2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
2. Chị Nguyễn Huyền T6, sinh năm 2007.(có mặt)
Trú tại: Thôn K1, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
3. Anh Vũ Ngọc H3, sinh năm 1983.(vắng mặt)
Trú tại: Số nhà A, đường Đ2, phường L1, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
4. Chị Đào Thị H4, sinh năm 1988.(vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Như H5, sinh năm 2000.(vắng mặt)
Đều trú tại: Thôn B, xã Đ3, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
6. Anh Nguyễn Thế H6, sinh năm 1980.(vắng mặt)
Trú tại: Thôn H2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 Pt ngày 30/4/2022, Nguyễn Văn Tr sinh năm 2001 và Ngô Đình P sinh ngày 15/5/2005 đều ở thôn A, xã H, huyện K cùng Nguyễn Thuỷ D sinh ngày 25/8/2006 ở thôn H2 thị trấn K, huyện K, Trần Huyền T6 sinh ngày 24/8/2007 ở Thôn K1, xã P, huyện K đến thuê phòng 204 của nhà nghỉ B1 ở thôn 3, xã Đ3, huyện K để ăn uống, vui chơi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, do hết tiền tiêu xài nên Tr đã nảy sinh ý định lừa mượn xe của người khác để bán lấy tiền. Tr nói với P, Dương và T6: “*Bọn mày xem có quen ai có xe không, mượn đi để tao đem bán còn lấy tiền tiêu*”. Nghe Tr nói vậy, P, Dương và T6 đồng ý. Dương nói: “*Để em gọi mượn xe thằng Đ*”, sau đó D sử dụng điện thoại Đ nhập tài khoản Facebook “Ngô Đình P” để nhắn với tài khoản Facebook “Nguyễn Hải Đ” của anh Nguyễn Hải Đ sinh ngày 10/7/2005 ở thôn T4, xã T5, huyện K. Quá trình nhắn tin, D xưng tên và nhờ anh Đ xuống khu vực chợ xã Đ3, huyện K đón mình về, nhưng do trời tối muộn nên anh Đ không đồng ý. Lúc này, T6 nói với D: “*Hay em nói mẹ chị bị ốm để Đ đến đón chị*”, D đồng ý. Sau đó, T6 dùng điện thoại nhắn tin cho D với nội dung giả là mẹ D bị ốm, bảo D phải về gấp. D chụp lại đoạn hội thoại tin nhắn giữa T6 và D rồi gửi cho anh Đ. Tin rằng mẹ D bị ốm, anh Đ đã điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số: 89E1-055.71 của ông Nguyễn Văn Đ2 sinh năm 1984 (bố của anh Đ) đến khu vực chợ Đ3 để đón D. Khoảng 01 giờ 30 Pt ngày 01/5/2022, D và T6 gặp anh Đ tại khu vực chợ Đ3. Tại đây, D nói với anh Đ: “*Mày cho tao mượn xe chở con kia về (ý nói đưa T6 về) xong tao qua xem mẹ tao như thế nào rồi tao quay lại đón mày*”, Đ đồng ý và giao

xe cho D. Sau khi nhận xe, D và T6 điều khiển xe mô tô về nhà nghỉ B1. Khoảng 08 giờ ngày 01/5/2022, Tr, P, D và T6 bàn nhau sẽ chụp ảnh chiếc xe rồi Đ lên Facebook để tìm người mua. Tr mượn điện thoại của D tạo tài khoản Facebook mới “Hùng Lê” để rao bán chiếc xe của anh Đ trên nhóm Facebook “Hội mua bán xe máy cũ Hưng Yên”. Sau đó, anh Vũ Ngọc H3, sinh năm 1997 ở đường Đ2, phường L1, thành phố H7 có tài khoản Facebook “Ngọc H3” nhắn tin đồng ý mua xe với giá 5.000.000 đồng và hẹn chiều ngày 01/5/2022 đến Thành phố H7 để giao dịch. Khoảng 15 giờ 30 Pt ngày 01/5/2022, Tr và P điều khiển xe mô tô nêu trên đến khu vực Quảng Tr thành phố H7 để bán cho anh H3. Quá trình giao dịch, Tr lấy tên giả là Hùng, còn P lấy tên giả là D1. Tr nói xe bị mất giấy tờ nên anh H3 chỉ đồng ý mua xe với giá 3.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào Tr chuyển nốt các giấy tờ của xe thì anh H3 sẽ trả nốt số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền bán xe, Tr và P trả tiền xe ôm đi về nhà nghỉ Bình Minh hết 200.000 đồng, trả tiền thuê nhà nghỉ hết 800.000 đồng, số tiền 2.000.000 đồng còn lại cùng D và T6 ăn uống, tiêu xài hết.

Ngày 01/5/2022 anh Đ đã có đơn trình báo đến Công an huyện K. Ông Nguyễn Thế H5 sinh năm 1982 (là bố của D) đã chủ động liên lạc với anh H3 để lấy lại chiếc xe mô tô biển số: 89E1-055.71 giao nộp Cơ quan điều tra.

Ngày 13/5/2022 Cơ quan điều tra đã Yêu cầu định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số: 89E1-055.71. Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô tại thời điểm ngày 01/5/2022 là 5.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã quản lý 01 USB bên trong có 01 File video “01.5” do anh Đ dùng điện thoại quay lại nội dung tin nhắn giữa anh Đ và D; quản lý 01 USB bên trong có 02 File video “Camera 1” và “Camera 1.1” trích xuất tại nhà nghỉ B1. Tại Cơ quan điều tra D và T6 đã thừa nhận nội dung trong video chính là tin nhắn giữa D và anh Đ vào ngày 01/5/2022, D và T6 thừa nhận sau khi lừa lấy được xe mô tô của anh Đ thì D và T6 mang xe về nhà nghỉ B1 như hình ảnh trong video “Camera 1”, Tr và P thừa nhận, Tr và P lấy xe mô tô này từ nhà nghỉ mang đi bán như hình ảnh trong video “Camera 1.1”.

Ngày 08/6/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên giám định nội dung hình ảnh trong các file video trích xuất từ camera an ninh của nhà nghỉ B1 và anh Đ cung cấp nêu trên có sử dụng kỹ thuật cắt ghép, chỉnh sửa không. Tại bản kết luận giám định số 93/KL – KTHS (KTS) ngày 28/7/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: File video “01.5” được ghi lại nội dung hình ảnh từ màn hình trình chiếu nên không đủ cơ sở để kết luận video có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh hay không; Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong File video “Camera 1” và “Camera 1.1” gửi giám định.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã quản lý 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng của D quản lý 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của T6. Đây là công cụ mà D và T6 đã lừa mượn xe của anh Đ, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số: 89E1-055.71 xác định thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đ1 nên Cơ quan điều tra đã trả cho ông Đ1.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKS-KC, ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Ngô Đình P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Ngô Đình P đều có mặt và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa các bị cáo đều suất trình đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn không có việc làm ổn định và xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương.

Người bị hại ông Đ1 có mặt và đề nghị về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu đề nghị gì. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt chị T6 và chị D đều thừa nhận là bị cáo Tr là người khởi xướng việc hỏi xem ai có xe mô tô nhằm gọi điện hỏi mượn để bán lấy tiền tiêu chị D là người liên lạc và nhờ Đ mang xe đến đón sau đó cùng T6 ra hỏi mượn xe của Đ mang về nhà nghỉ, Tr là người Đ bán xe trên Facebook và cùng P mang xe đi bán. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đình P là ông Đào Văn H1 – Luật sư trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo khi phạm tội chưa đủ 17 tuổi, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 65; Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Ngô Đình P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1, Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr.

- Áp dụng khoản 1, Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Đình P.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Đình P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi H5 nh án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Luật hình án hình sự thì Tòa án có thể quyết định hình phạt tù đối với bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng của D; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của T6.

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Đảng sau khi nhận lại tài sản ông không có yêu cầu gì. Đối với số tiền mà Ông Nguyễn Thế H5 sinh năm 1982 (là bố của D) đã chủ động liên lạc với anh H3 để chuộc lại chiếc xe mô tô biển số: 89E1-055.71 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tại Cơ quan điều tra ông H5 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên phân trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu điều tra đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai thể hiện rõ quan điểm tại cơ quan điều tra việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay H1 toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập như: Lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả giám định, kết luận định giá tài sản, các Video hình ảnh kèm theo biên bản nhận diện và giải thích nội dung Video ... đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian đêm ngày 30/4/2022 rạng ngày 01/5/2022 Ngày 01/5/2022 tại xã Đ3, huyện K, Nguyễn Văn Tr, Ngô Đình P đã có thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số: 89E1 -055.71 trị giá 5.500.000 đồng của anh Nguyễn Hải Đ sinh ngày 10/7/2005 ở thôn T4, xã T5, huyện K, chiếc xe trên Đ ký tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Đ1 sinh năm 1984 (bố của anh Đ) mang đi thành phố Hưng Yên tiêu thụ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Ngô Đình P đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Ngô Đình P là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xét xử các bị cáo với mức hình phạt thoả Đ1 tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đáp ứng yêu cầu răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

Đánh giá nhân thân, tính chất mức độ hành vi và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Tr giữ vai trò chính là người khởi xướng, là người thực hành tích cực sau khi chiếm đoạt được xe của anh Đ thì bị cáo là người chủ động Đ tin trên mạng Facebook và là người mang xe đi giao dịch tiêu thụ. Bị

cáo P là người thực hành tích cực cùng với bị cáo Tr đi giao dịch tiêu thụ xe. Vì vậy vai trò của bị cáo Tr cao hơn bị cáo P.

Nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn Tr là người khởi xướng đề xuất để bị cáo P, chị T6 và chị Dương thực hiện hành vi lừa chiếm đoạt xe của anh Đ tại thời điểm phạm tội cả bị cáo P, chị T6, chị Dương đều chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo Tr phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52; Bị cáo P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội thì ông H5 đã tự chủ động liên hệ với anh H3 là người mua xe của các bị cáo để chuộc lại chiếc xe và giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trước khi mở phiên tòa ông Nguyễn Văn Đảng là người bị hại có đơn và tại phiên tòa ông đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về mức hình phạt đối với các bị cáo thì thấy: Bị cáo Tr giữ vai trò chính, các bị cáo P giữ vai trò giúp sức tích cực, khi phạm tội bị cáo P chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định tại Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với người chưa đủ 18 tuổi vì vậy mức hình phạt của bị cáo P thấp hơn bị cáo Tr. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo P khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo chịu một thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đảm bảo được mục đích tác dụng của hình phạt. Đề nghị của Luật sư áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo P được hưởng án treo (cải tạo tại địa phương) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm và không có thu nhập ổn định, các bị cáo phạm tội do bột phát, nhất thời nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng của D; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của T6 đây là 2 chiếc điện thoại mà D và T6 sử dụng để trực tiếp nhắn tin lừa chiếm đoạt xe của anh

Đ và xác định đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tích thu phạt mại sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Đ1 sau khi nhận lại tài sản ông không có yêu cầu gì. Đối với số tiền mà Ông Nguyễn Thế H5 sinh năm 1982 (là bố của D) đã chủ động liên lạc với anh H3 để chuộc lại chiếc xe mô tô biển số: 89E1-055.71 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tại Cơ quan điều tra ông H5 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Anh Vũ Ngọc H3, sinh năm 1997 ở đường Đ2, phường L1, thành phố H7 là người mua xe của các bị cáo anh đã nhận lại số tiền mua xe từ ông H5 và cũng không có yêu cầu gì nên phần trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác: Hành vi của Nguyễn Thuỳ D sinh ngày 25/8/2006 ở thôn H2, thị trấn K, huyện K và Trần Huyền T6 sinh ngày 24/8/2007 ở Thôn K1, xã P, huyện K tại thời điểm phạm tội thì cả Dương và T6 chưa đến tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện K đã ra quyết định xử lý hành chính Là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên trong quyết định xử lý hành chính Công an huyện K không xem xét xử lý đồ vật liên quan là 02 chiếc điện thoại thu giữ của Dương và T6 là chưa triệt để đề nghị nghiên túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr.

Khoản 1 Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Đình P.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Ngô Đình P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Đình P 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Ngô Đình P cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hưng yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Tr hợp bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi H5nh án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng của D; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của T6.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giả quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận:

VKSND H Khoái Châu.

VKSND Tỉnh Hưng Yên

CA huyện K.

Các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bị hại

UBND xã H.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm Phán. Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn T

Lưu hồ sơ.

Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên

Nơi nhận:

- VKSND H Khoái Châu.
- VKSND Tỉnh Hưng Yên
- CA huyện K.
- Các bị cáo.
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Người bị hại
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ.
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm Phán. Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tân